

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/10/2025

“V/v kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quang Lương

2. Bà Hoàng Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 30/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th - Sinh năm 1998.

CCCD số: 040198011800; Cấp ngày: 14/3/2024; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký NKTT tại: Xóm V, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An (*Nay là: Xóm V, xã T, tỉnh Nghệ An*), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T - Sinh năm: 2000.

CCCD số: 0442000011360; Cấp ngày: 22/02/2019; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký NKTT tại: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*Nay là: xã B, tỉnh Quảng Trị*).

Địa chỉ cần báo: Phố Hoàng Văn T, xã Ân T, tỉnh Hưng Yên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/9/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/11/2024 và ngày 11/7/2025; nội dung được bổ sung tại bản tự khai, chị Phạm Thị Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn T đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Quảng

Bình (nay là: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09. Chị Th và anh Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian cho đến khoảng tháng 02 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù vợ chồng đã nhiều cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn ngày tăng lên. Nay chị Th mong muốn Tòa án cho chị Th ly hôn với anh Vũ Văn Th.

- Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Th trình bày quá trình chung sống vợ chồng với anh Vũ Văn Th có một con chung là: Cháu Vũ Quốc Th, sinh ngày 22/11/2019. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Th. Chị Th có nguyện vọng sau khi ly hôn giao con chung là cháu Vũ Quốc Th cho anh Vũ Văn Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Th đề nghị không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Th trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Ý kiến của anh Vũ Văn Th tại Bản tự khai đề ngày 17/8/2025 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Th đồng ý như ý kiến trình bày của chị Th về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2022 vì hoàn cảnh kinh tế anh Th phải đi làm ăn xa thường xuyên, vợ chồng không ở gần nhau, tình cảm lạnh nhạt, không có sự yêu thương chăm sóc, việc ai nấy làm. Dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng hiện nay đã ly thân. Nay anh Th cũng thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn mâu thuẫn được nữa nên anh Th cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị Phạm Thị Th.

- Về quan hệ con chung: Anh Th thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng với Phạm Thị Th có 01 (một) con chung là: Vũ Quốc Th, sinh ngày 22/11/2019. Anh Th nhất trí đồng ý sau khi ly hôn giao con chung là cháu Vũ Quốc Th cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung nợ chung: Anh Th trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo bản tự khai, anh Th có nội dung đề nghị: Do hiện nay anh Th không thể sắp xếp thời gian, công việc và không thể trực tiếp đến Tòa án để làm việc, anh Th không thể đến tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử. Vậy anh Th kính đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành mở phiên hòa giải, mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Bùi Văn Th có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*nay là: xã B, tỉnh Quảng Trị*). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nguyên đơn và Bị đơn đều đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn Th mặc dù không trực tiếp đến Tòa án làm bản tự khai, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Thơm và anh Th đều đã gửi đến Tòa án bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt họ pháp. Đồng thời, chị Th và anh Th đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp hoà giải. Do đó, căn cứ Điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn Th có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*nay là: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Trị*) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09. Việc kết hôn của anh, chị trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc, lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau, chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng.

Tại bản tự khai do chị Th và anh Th gửi đến Tòa án thì anh, chị đều thống nhất thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau. Đến năm 2022 vì hoàn cảnh kinh tế anh Th phải đi làm ăn xa thường xuyên, vợ chồng không ở gần nhau, tình cảm lạnh nhạt, không có sự yêu thương chăm sóc, việc ai nấy làm. Dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng hiện nay đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù vợ chồng đã nhiều cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn ngày tăng lên. Do đó, tại các bản tự khai, chị Th và anh Th đều nhất trí thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Từ phân tích, đánh giá, nhận định toàn diện những trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng điều đó thể hiện mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị Thơm và anh Thuận đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Vũ Văn Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án ghi nhận, quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn Th có một con chung là: Cháu Vũ Quốc Th, sinh ngày 22/11/2019. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Th. Chị Th và anh Th đều có nguyện vọng sau khi ly hôn giao con chung là cháu Vũ Quốc Th cho anh Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ thực tế việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Th và anh Th về việc sau khi ly hôn giao con chung là cháu Vũ Quốc Th cho anh Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế là phù hợp nguyện vọng của các bên đương sự và phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn Th có đơn trình bày về việc không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn Th đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Văn Th đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th. Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Vũ Quốc Th, sinh ngày 22/11/2019 cho anh Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Không ai có quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng đối với con chung theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Số tiền chị Phạm Thị Th phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai số 0005552 ngày 16 tháng 7 năm 2025. Chị Th đã nộp đủ.

Án xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV1;
- TAND Tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*nay là: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Trị*);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Phú Quảng

